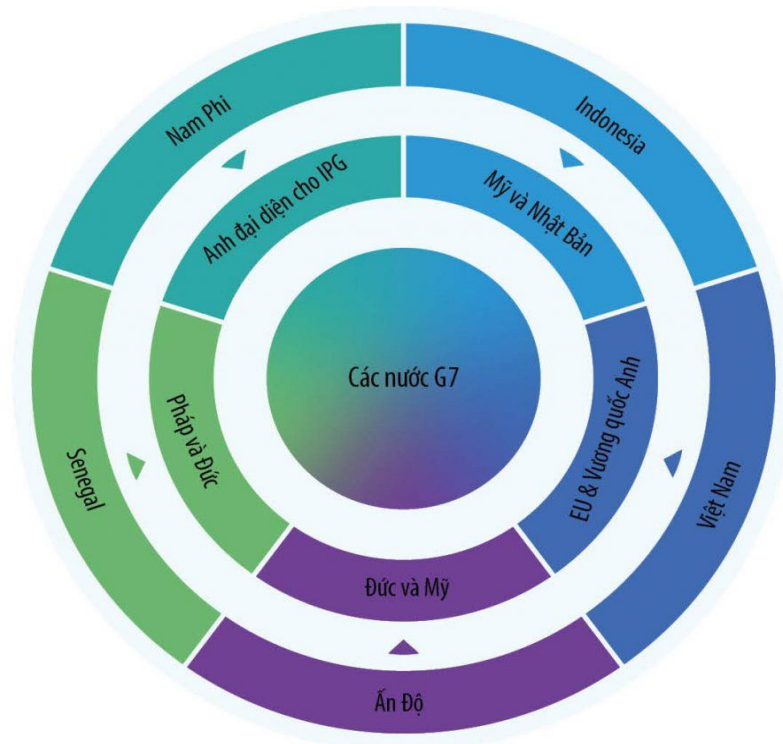


## THE JUST ENERGY TRANSITION PARTNERSHIP (ĐỐI TÁC CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG CÔNG BẰNG)

### 1. Giới thiệu:

JETP là một cơ chế tài chính. Trong một Đối tác, các quốc gia giàu hơn tài trợ cho một quốc gia đang phát triển phụ thuộc vào than để hỗ trợ quốc gia này để ngừng sử dụng than và chuyển dịch sang năng lượng sạch.

Ngân sách JETP có thể thông qua các khoản tài trợ không hoàn lại, khoản vay, hoặc đầu tư. Tính đến tháng 3 năm 2023, nhóm các nước đóng góp bao gồm Nhóm Đối tác Quốc tế (IPG) và Nhóm làm việc của Liên minh Tài chính Glasgow cho Net Zero (GFANZ). IPG bao gồm Nhật Bản, Hoa Kỳ, Canada, Đan Mạch, Pháp, Đức, Ý, Na Uy, EU, và Vương quốc Anh. Nhóm làm việc GFANZ bao gồm các ngân hàng phát triển đa quốc gia và quốc gia và các cơ quan tài chính như HSBC và Citi Bank.



Cấu trúc các quốc gia trong JETP

Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (JETP) của Việt Nam đã được công bố vào tháng 12 năm 2022 sau quá trình đàm phán kéo dài. Đối tác này sẽ hỗ trợ Việt Nam về tài chính, công nghệ và xây dựng năng lực. Nó cũng sẽ hỗ trợ cải tiến chính sách và quy định của quốc gia nhằm tăng cường đầu tư tư nhân vào năng lượng tái tạo. Quỹ ban đầu cho ba đến năm năm tới là 15,5 tỷ USD. Việt Nam dự kiến sẽ công bố Kế hoạch

Huy động nguồn lực của JETP (JETP - RMP) vào tháng 11 năm 2023. Đóng góp ban đầu cho JETP của Việt Nam bao gồm cam kết 7,75 tỷ USD từ IPG, Ngân hàng Phát triển Châu Á và Công ty Tài chính Quốc tế. Đầu tư từ khối tư nhân từ các tổ chức tài chính do Glasgow Financial Alliance for Net Zero (GFANZ) cam kết huy động một khoản đối ứng 7,75 tỷ USD nữa.

## **2. Mục tiêu và nguyên tắc hoạt động JETP:**

### **a) Mục tiêu:**

Theo JETP được ký ngày 14/12/2022, có ít nhất 15,5 tỷ USD sẽ được tài trợ dưới hình thức chủ yếu là cho vay ưu đãi trong khoảng từ 3 – 5 năm để hỗ trợ cho quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng, một nửa số đó được huy động từ tài chính khu vực công với các điều khoản ưu đãi hơn thông thường. Một nửa còn lại được huy động và tạo điều kiện từ tài chính tư nhân, để Việt Nam:

- Đạt đỉnh thải toàn bộ khí nhà kính vào năm 2030, sớm hơn 5 năm so với kế hoạch. Đỉnh phát thải từ sản xuất điện, theo kế hoạch hiện tại là 240 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương vào năm 2035 với sự hỗ trợ quốc tế (giảm từ 280 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương trước COP26), sẽ được đẩy sớm lên năm 2030 với đỉnh phát thải không quá 170 triệu tấn CO<sub>2</sub> tương đương.
- Giới hạn công suất điện than, hiện theo kế hoạch là 37 GW, hướng giảm xuống còn 30,2 GW, đưa ra lộ trình giảm phát thải để loại bỏ dần sản xuất điện than sau đó. Phát triển các trung tâm (hubs) năng lượng tái tạo, sản xuất pin lưu trữ và thiết bị năng lượng tái tạo, điện gió ngoài khơi kết hợp thủy sản... Hướng tới thành lập các trung tâm hàng đầu về năng lượng tái tạo (kiến trúc kỹ thuật, pháp lý, quản lý...); tiềm năng ứng dụng thu hồi, tàng trữ và sử dụng CO<sub>2</sub> (CCUS) của Việt Nam được đề cập.
- Tỷ trọng năng lượng tái tạo theo kế hoạch hiện nay là 36%, hướng tới tỷ trọng năng lượng tái tạo chiếm tối thiểu 47% (bao gồm năng lượng gió, năng lượng mặt trời và thủy điện) vào năm 2030.
- Về chính sách, cải thiện khung pháp lý nhằm mở rộng đầu tư công và tư nhân vào Việt Nam, tập trung vào năng lượng tái tạo và chuyển dịch năng lượng công bằng, có tính đến các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và củng cố lưới điện.

Khoảng 500 triệu tấn khí thải sẽ được cắt giảm vào năm 2035 nếu các mục tiêu này được hoàn thành.

### **b) Nguyên tắc hoạt động:**

Lấy ví dụ gói JETP IP của Nam Phi đưa ra tại COP 27, Nam Phi đã công bố Kế hoạch thực hiện JETP (JETP IP), trong đó đưa ra các yêu cầu đầu tư ưu tiên trong lĩnh vực điện, phương tiện giao thông sử dụng năng lượng mới và lĩnh vực hydrogen xanh. Để đạt được các mục tiêu của JETP IP, khoản tài chính cần thiết Nam Phi đưa ra là 98 tỷ USD, cao hơn nhiều so với mức 8,5 tỷ USD được cam kết hỗ trợ. Điều này cho thấy nhu cầu đầu tư cho chuyển dịch năng lượng rất cao, phần hỗ trợ theo JETP chỉ chiếm 1 tỷ trọng nhỏ. Khoản tài trợ 8,5 tỷ USD của Nhóm Đối tác Quốc tế (International Partners Group – IPG) sẽ hướng tới việc hỗ trợ các nhu cầu cấp thiết được thể hiện trong Kế hoạch đầu tư (Just Energy Transition Investment Plan – JET IP), đó là i) tăng cường và mở rộng lưới truyền tải và phân phối; ii) ngừng hoạt động và tái sử dụng các nhà máy than; iii) đẩy nhanh đầu tư năng lượng tái tạo; iv) các biện pháp sử dụng năng lượng hiệu quả và v) chuẩn bị và bố trí cơ sở hạ tầng xã hội để tạo điều kiện chuyển dịch năng lượng công bằng cho người lao động, cộng đồng và các địa điểm liên quan bị ảnh hưởng, bao gồm cơ hội tạo việc làm ở các khu vực khai thác than bị ảnh hưởng. Như vậy, JETP giống như 1 gói hỗ trợ mang tính khơi mào, thúc đẩy nhanh hơn quá trình dịch chuyển. Quốc gia nhận hỗ trợ vẫn phải tự lực, huy động mọi nguồn lực khác có thể, kể cả trong nước và quốc tế.

Chuyển dịch năng lượng ở Việt Nam theo đánh giá của UNDP, có thể cần đến 60 tỷ USD/năm từ nay cho đến 2050. JETP là bước đầu và sẽ cần nhiều chương trình hỗ trợ khác, cần huy động mọi nguồn lực trong nước và quốc tế. Vì vậy, trong thời gian tới đây dành cho việc đàm phán chi tiết cụ thể về các điều khoản tài chính, kế hoạch cải cách, cơ cấu điều phối..., để xây dựng kế hoạch huy động nguồn lực (Resources Mobilization Plan), Việt Nam cần lưu ý xây dựng RMP khả thi, khoa học, tận dụng nguồn tài trợ này phục vụ hiệu quả cho quá trình chuyển dịch năng lượng công bằng.

### **3. Kế hoạch huy động nguồn lực (RMP):**

Kế hoạch huy động nguồn lực JETP-RMP sẽ hỗ trợ Việt Nam như sau:

a) Phát triển một khung pháp lý dài hạn tham vọng và đáng tin cậy cho sự chuyển đổi xanh của nền kinh tế của mình, bao gồm thông qua việc sử dụng các công cụ giá cả và quy định; bao gồm nhưng không giới hạn ở: cải thiện khung quy định để tạo thuận lợi cho việc đầu tư vào năng lượng tái tạo và hiệu quả năng lượng và tăng cường lưới điện tại Việt Nam;

b) tăng tốc quá trình giảm carbon hóa hệ thống điện của mình từ mức đỉnh hiện tại của kế hoạch net-zero là 240 MtCO<sub>2</sub>e vào năm 2035 với sự hỗ trợ quốc tế (giảm từ 280 MtCO<sub>2</sub>e trước COP26) về việc đạt đỉnh không quá 170 MtCO<sub>2</sub>e lượng khí thải từ việc sản xuất điện vào năm 2030 nhờ sự hỗ trợ mạnh mẽ và ý nghĩa từ các đối tác IPG về tài

chính như được nêu dưới đoạn 18 và tất cả các công nghệ để mở rộng việc triển khai năng lượng tái tạo và quản lý hệ thống năng lượng sạch.

c) Làm việc với Việt Nam và các nhà đầu tư để giảm dự án điện than đang được triển khai của Việt Nam, hiện tại đạt đỉnh công suất kế hoạch là 37 GW, hướng đến một đỉnh của 30,2 GW, cũng như cung cấp một con đường giảm phát thải đáng tin cậy và tham vọng để dần dần loại bỏ việc sản xuất điện từ than sau những ngày đó.

d) tăng tốc việc triển khai năng lượng tái tạo và phát triển chuyên môn kỹ thuật để hỗ trợ và quản lý một lưới điện ngày càng được cung cấp bởi năng lượng tái tạo biến đổi, với mục tiêu là cho phép Việt Nam duy trì một lưới điện đáng tin cậy và vượt qua con số kế hoạch hiện tại là 36% hướng đến ít nhất 47% sản xuất điện đến từ năng lượng tái tạo bao gồm điện gió, điện mặt trời và thủy điện vào năm 2030, nhờ sự hỗ trợ quốc tế.

e) dẫn dắt một sự chuyển đổi công bằng, theo, giữa các yếu tố khác, Tuyên bố của Tổ chức Lao động quốc tế về Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại nơi làm việc, để đảm bảo toàn bộ xã hội có thể hưởng lợi từ sự chuyển đổi xanh để tăng cường tiếp cận năng lượng giá rẻ và tiếp xúc với các tổ chức và các bên liên quan để giúp đáp ứng nhu cầu của những người bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi sự chuyển đổi xanh, như công nhân và cộng đồng trong các lĩnh vực và khu vực bị ảnh hưởng bởi sự chuyển đổi;

f) phát triển và thực hiện các chương trình giáo dục, đào tạo nghề nghiệp và đào tạo lại để phát triển các kỹ năng và năng lực cần thiết và hỗ trợ việc tạo việc làm cho lao động trong các lĩnh vực và vùng bị ảnh hưởng bởi sự chuyển đổi, cũng như các hình thức hỗ trợ khác để đảm bảo điều kiện sống tốt hơn cho công nhân sau sự chuyển đổi;

g) xác định vai trò của phần tư nhân và tạo ra một môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia tích cực vào quá trình biến đổi, như giảm rủi ro cho vay, tạo thuận lợi cho cổ phần và tài chính ngân hàng, đấu giá giấy phép, tăng tốc việc cấp phép, nâng cao cạnh tranh;

h) tạo ra cơ hội cho sự đổi mới công nghệ và đầu tư tư nhân để thúc đẩy việc tạo ra công việc xanh và tốt đẹp như một phần của nền kinh tế thấp khí thải thịnh vượng; và để thiết kế các cơ chế để giúp đảm bảo điện giá rẻ cho nhóm người bị ảnh hưởng, dễ bị tổn thương và thu nhập thấp;

i) thương lượng – với sự hỗ trợ của các đối tác – việc dừng đầu tư vào nhà máy nhiệt điện than để đạt được những mục tiêu này, nếu phù hợp;

j) thương lượng việc đóng cửa các nhà máy nhiệt điện than cũ, không hiệu quả để tạo thuận lợi cho việc tiếp cận năng lượng sạch;

k) phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát triển các trung tâm năng lượng tái tạo, sản xuất pin lưu trữ và thiết bị năng lượng tái tạo, sản xuất hydro xanh, phát triển kế hoạch của các nền tảng gió ngoài khơi kết hợp với nuôi trồng thủy sản và hậu cần đánh cá;

l) làm việc hướng đến việc thành lập một trung tâm xuất sắc về năng lượng tái tạo tại Việt Nam để chia sẻ chuyên môn, hỗ trợ phát triển kỹ năng, hiểu biết về công nghệ và quy định và tạo điều kiện cho sự hợp tác tự nguyện giữa Việt Nam và phần tư nhân về chuyển giao công nghệ nhằm tăng tốc và mở rộng việc triển khai năng lượng tái tạo và quản lý hệ thống năng lượng sạch tại Việt Nam và khu vực;

m) thực hiện việc sử dụng đất đa mục đích cho sản xuất năng lượng tái tạo, nông nghiệp, thủy sản để cải thiện sản xuất và chế biến sản phẩm nông nghiệp thông qua việc cải thiện khả năng tiếp cận năng lượng và tạo việc làm cho công nhân nông thôn.

#### **4. Thách thức:**

##### **a) Đối với ngành sản xuất điện:**

Trong Quy hoạch phát triển điện cho giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (PDP VIII), theo hướng dẫn của Chính phủ về việc tiếp tục giảm công suất điện nhiệt than để phù hợp với các cam kết tại COP26 vào tháng 12 năm 2021, hướng phát triển của các nhà máy điện nhiệt tại Việt Nam cho đến năm 2050 như sau:

- Dừng phát triển các nhà máy điện than sau năm 2030, và các nhà máy điện chạy bằng khí sau năm 2035.
- Các nhà máy điện than dự kiến sẽ được đốt chung với chất liệu sinh học hoặc amoniac sau 20 năm hoạt động với tỷ lệ đốt chung bắt đầu ở 20% và dần tăng lên 100%. Đến năm 2050, sẽ không còn nhà máy điện than trong dự án.
- Các nhà máy điện khí dự kiến sẽ được đốt chung với hydrogen sau năm 2030, bắt đầu từ 20%, và dần tăng lên 100%. Trong tương lai, khi công nghệ được cải thiện và giá của hydro sẽ giảm, có thể xây dựng nhà máy điện thế hệ mới sử dụng hydro. Về hướng đến năm 2050, tất cả các nhà máy điện khí sẽ chuyển sang sử dụng hydro.

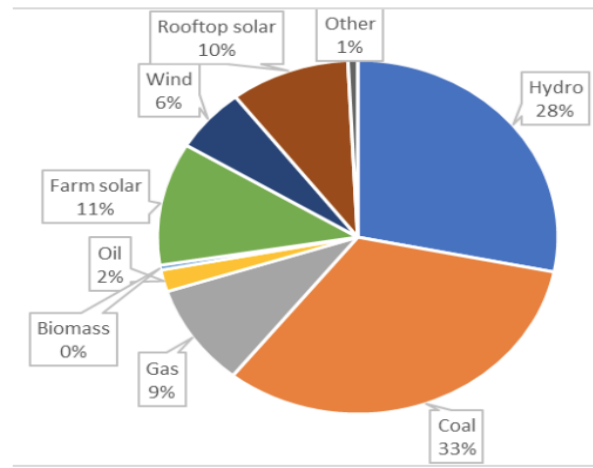
Kế hoạch phát triển điện này đòi hỏi chi phí đầu tư cao và chi phí sản xuất điện vào năm 2050 sẽ tăng khoảng 30% so với kế hoạch trước đó. Kế hoạch chuyển đổi năng lượng cho phát triển điện của Việt Nam cần sự hỗ trợ mạnh mẽ từ cộng đồng quốc tế hướng đến mục tiêu giảm lượng khí thải GHG quốc gia.

Nguồn năng lượng nhiệt điện than đóng vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp điện của hệ thống điện Việt Nam vì đó là nguồn điện ổn định và giá rẻ. Việc duy trì nguồn điện này trong những năm tới vẫn là yêu cầu cần thiết để đảm bảo nguồn cung cấp điện đầy đủ và ổn định và an ninh năng lượng quốc gia. Tuy nhiên, việc phát triển

**Table 1: Installed capacity of the different power sources in Viet Nam's electricity system**

Power source	Installed capacity (MW)
Hydro	22,345
Coal	25,820
Gas	7,398
Oil	1,579
Biomass	356
Farm solar	8,907
Wind	4,667
Rooftop solar	7,660
Other	619
<b>Total</b>	<b>79,351</b>

**Figure 2: Structure of electricity system in terms of installed capacity**



Source: National Dispatch Centre, EVN, 2022

các nhà máy nhiệt điện than cũng tăng mạnh lượng khí thải GHG, tác động môi trường tiêu cực, và sự phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu. Có các hướng đi được áp dụng cho các nhà máy nhiệt điện than để giảm lượng khí thải GHG: (i) không xây dựng nhà máy điện than mới sau 2030 (ii) chuyển đổi chất liệu sinh học và amoniac để đốt chung cho các nhà máy nhiệt điện than hiện tại, và (iii) nghỉ hưu sớm cho các nhà máy nhiệt điện than hiện tại không thể chuyển đổi sang nhiên liệu đốt chung.

Quá trình chuyển đổi nhiên liệu của các nhà máy nhiệt điện than phải xem xét các chi phí phát sinh từ quá trình chuyển đổi nhiên liệu như chi phí kéo dài tuổi thọ, chi phí cải tạo để có thể đốt chung với các nhiên liệu khác, tỷ lệ giảm hiệu suất trong giai đoạn kéo dài tuổi thọ, tỷ lệ giảm hiệu suất khi đốt chung với nhiên liệu đốt chung, giá nhiên liệu đốt chung... Những chi phí này được sử dụng để tính toán chi phí trên toàn hệ thống cho kịch bản chuyển đổi năng lượng.

Đối với việc đốt chung amoniac trong các nhà máy nhiệt điện than, tỷ lệ pha trộn amoniac trong các nhà máy nhiệt điện than là một thách thức lớn. Ngoài ra, do giá nhiên liệu amoniac cao, việc đốt chung 20% amoniac trong nhà máy nhiệt điện than sẽ làm tăng Chi phí Năng lượng Tính theo Mức độ (LCOE) 34% so với những nhà máy 100%

than. LCOE của các nhà máy đốt chung sinh học sẽ tăng khoảng 10% với 15% sinh học và 19% với 20% sinh học so với những nguồn nhiên liệu than 100%.

### **b) Đối với nguồn tài chính:**

Mục tiêu Đóng góp Quốc gia (NDCs) (đến 2030) và mục tiêu khí thải net-zero (đến 2050). Trước bản tuyên bố của Nhóm Đối tác Quốc tế (IPG) của JETP để huy động 7,75 tỷ USD từ mỗi nguồn tài chính công và tư quốc tế nhằm giảm 6,8 GW công suất nhà máy điện than vào năm 2030 và tăng sản lượng năng lượng gió và mặt trời từ 36% lên 47% tổng sản lượng điện, các bước quan trọng cần được thực hiện như sau:

1. Tính toán chi phí đầu tư cho việc mở rộng điện tái tạo để tạo ra đủ điện để thay thế 6,8 GW điện than vào năm 2030, tính đến nhu cầu mở rộng lưới, nguồn kinh phí để đối phó với thất nghiệp của các công nhân mỏ than và nhà máy điện cũng như việc đào tạo lại cho họ.

Giả sử rằng các nhà máy điện than hoạt động dựa trên tải cơ bản, việc thay thế 6,8 GW yêu cầu phát sinh khoảng 50 TWh điện tái tạo hàng năm. Giả sử một hệ số tải hàng năm của 25% cho điện mặt trời và gió kết hợp, khoảng 22 GW công suất điện mới từ gió và mặt trời là cần thiết. Chi phí hiện tại cho mỗi MW gió nội địa và mặt trời đạt khoảng 1,2 triệu USD/MW. Nhu cầu tài chính tổng thể cho 22 GW điện gió và mặt trời do đó đạt khoảng 26 tỷ USD, nhiều hơn rất nhiều so với 15,5 tỷ USD mà IPG đã cam kết.

Với việc tài chính JETP cũng cần phải bao gồm chi phí để tài trợ mở rộng lưới để kết nối các nhà máy điện tái tạo mới, hỗ trợ sinh kế của các công nhân mỏ than và nhà máy điện cho đến khi họ tìm được công việc mới cũng như đào tạo lại người lao động, rõ ràng là khoảng cách tài chính thực tế cho JETP trở nên lớn hơn rất nhiều.

Ưu tiên cho chính phủ Việt Nam do đó là tinh chỉnh các ước tính về nhu cầu đầu tư cho các loại hoạt động khác nhau cần thiết để đạt được các mục tiêu JETP về sản xuất điện tái tạo và thay thế nhà máy điện than. Điều này cho phép tính toán khoảng cách tài trợ và sau đó bắt đầu phân tích cách khoảng cách tài trợ này có thể được đóng lại.

2. Đánh giá các cấu trúc tài trợ có thể dành cho các loại hoạt động khác nhau trong JETP.

Cấu trúc tài trợ cho các nhà máy điện tái tạo mới sẽ khác nhau tùy theo kích thước dự án và các công ty liên quan. Đánh giá khối lượng vốn chủ sở hữu và các loại tài trợ nợ cần thiết, và khả năng tài chính thương mại tùy thuộc vào đặc điểm của các dự án và người khởi xướng. Khả năng tài chính nội địa cao sẽ giảm nhu cầu về nguồn hỗ trợ từ JETP.

Mở rộng lưới điện thường là một nhiệm vụ không hấp dẫn về mặt thương mại và do đó phải được tài trợ thông qua các nguồn công. Điều này cũng áp dụng cho việc tài trợ cho lợi ích thất nghiệp và đào tạo lại người lao động. Việc nghỉ hưu các nhà máy điện than trước thời hạn kỹ thuật cuối cùng có thể đòi hỏi thanh toán cho các nhà khai thác nhà máy để bù đắp các tổn thất doanh thu liên quan đến việc nghỉ hưu sớm. Những danh mục hoạt động này do đó sẽ phụ thuộc vào việc nhận được nguồn tài trợ hoặc tài trợ rất ưu đãi.

Chính phủ Việt Nam nên triển khai các nghiên cứu cụ thể để xác định các cấu trúc tài trợ cho tất cả các loại dự án trong JETP. Mục đích của bài tập này sẽ là để kiểm tra xem số tiền tài trợ quốc tế cam kết dưới JETP có thể đủ để đạt được mục tiêu thay thế nhà máy điện than của JETP hay không, hay có cần thêm nguồn tài trợ quốc tế khác hay không. Bài tập này cũng nên rõ ràng nêu ra những nguồn tài trợ công và tư nội địa nào có thể sẵn có và nên được khai thác với mức độ ưu tiên nào.

3. Đánh giá các công cụ chính sách có thể để huy động tài chính cho các hoạt động cần thiết để đạt được mục tiêu JETP và ưu tiên chúng. Chính phủ Việt Nam chủ yếu có thể sử dụng các công cụ khác nhau để tận dụng tài chính trong và ngoài nước, công và tư ngoài số tài chính do IPG cam kết:

Cung cấp bảo lãnh của chính phủ cho đầu tư tư nhân, do đó giảm chi phí nợ và tăng tỷ lệ nợ-vốn chủ sở hữu;

Giới thiệu một hệ thống trong nước để tạo ra các giấy chứng nhận giảm phát thải mà việc bán ra sẽ cung cấp một dòng thu nhập extra cho các dự án điện tái tạo, làm cho những dự án này trở nên hấp dẫn hơn cho người khởi xướng;

Giới thiệu luật pháp rõ ràng cho việc tạo ra các giấy chứng nhận giảm phát thải theo Điều 6.2 của Thỏa thuận Paris, và thương lượng các thỏa thuận mua cụ thể của Kết quả Giảm nhẹ được Chuyển giao Quốc tế (ITMOs) với các chính phủ thành viên của IPG. Nếu các chính phủ thành viên IPG sẵn lòng mua ITMOs từ các dự án sản xuất điện tái tạo trong khuôn khổ JETP, dòng thu nhập có thể giảm đáng kể nhu cầu về các thành phần tài trợ ưu đãi cho những dự án đó.

4. Đánh giá nhu cầu về các quy định pháp lý cụ thể để kích thích tối đa tài chính công và ưu đãi: Chính phủ Việt Nam nên giao phó cho các nghiên cứu đánh giá các rào cản pháp lý tiềm năng để thực hiện cấu trúc tài trợ lý thuyết lý tưởng của các dự án sản xuất điện tái tạo, mở rộng lưới, lợi ích thất nghiệp cho các công nhân mỏ than và nhà máy điện bị cắt giảm và đào tạo lại người lao động. Những nghiên cứu này cũng nên đưa ra các khuyến nghị về thay đổi luật lệ và quy định để kích thích cấu trúc tài trợ hiệu quả nhất.



5. Cải thiện môi trường thuận lợi cho và truy cập vào tài chính xanh: Chính phủ Việt Nam nên tăng tính thanh khoản của thị trường phụ thông qua tăng cường minh bạch, cải thiện quản trị công ty, và cải thiện khuôn khổ pháp lý cho tài chính xanh. Cần khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư thông qua việc giới thiệu các công cụ và sản phẩm tài chính mới, ví dụ như trái phiếu xanh, chỉ số xanh, chứng chỉ xanh, quỹ đầu tư xanh, tín dụng xanh, v.v. Tiêu chí cụ thể và một danh sách các dự án xanh cho các ngành khác nhau cũng như xây dựng năng lực cho các tổ chức tài trợ là cần thiết để tạo điều kiện cho việc đánh giá các dự án xanh trong JETP.

6. Phát triển JETP RMP: Xác định danh mục đầu tư ưu tiên, nguồn tài trợ và công cụ, và một lộ trình rõ ràng mô tả các bước cụ thể và khoảng thời gian chỉ định cho việc thực hiện cũng như kết quả mong đợi trong JETP-RMP. RMP nên phân biệt rõ ràng đối tác IPG/GFANZ nào cung cấp số tiền tài trợ nào vào thời điểm nào, được phân biệt theo loại tài trợ (quỹ tặng - cho dự án, hỗ trợ kỹ thuật, v.v. -, bảo lãnh, cho vay ưu đãi - đặc điểm của khoản vay), các điều khoản và điều kiện rõ ràng về các khoản vay ưu đãi được cung cấp bởi IPG cũng nên được thảo luận và chỉ định cụ thể để đảm bảo tuân thủ Luật Ngân sách Nhà nước và Luật Quản lý Nợ công, không lệch khỏi Viện trợ phát triển chính thức (ODA), và sự hấp dẫn của tài trợ JETP cao hơn so với thị trường vốn "bình thường". JETP-RMP nên cụ thể nhất có thể về các dự án thực tế sẽ được tài trợ, và xác định các khoảng trống nơi cần phải khai thác thêm các đề xuất dự án.

7. Đảm bảo phối hợp chặt chẽ và tham vấn với các bên liên quan: Việc phát triển JETP RMP nên bao gồm các cơ quan chính phủ liên quan Bộ Kế hoạch và Công nghiệp, Bộ Tài chính, các bộ chủ trách các ngành ưu tiên, các tỉnh, ngành tài chính trong và ngoài nước, các đối tác quốc tế (IPG, Liên minh Tài chính Toàn cầu cho Mục tiêu Không khí hậu (GFANZ), v.v.). Đặc biệt về các thành phần tặng, cộng đồng sẽ bị ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi cần được lắng nghe. Sự tham gia bao quát là một chiến lược quan trọng để đảm bảo sự chuyển đổi công bằng.

## **5. Cơ hội:**

Giải pháp khả thi khi phải giảm bớt điện than là thúc đẩy triển khai nhanh năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió). Như vậy, cần phải tích hợp năng lượng tái tạo ở mức cao hơn, do đó đòi hỏi lượng vốn rất lớn đầu tư cho hệ thống lưới truyền tải, hạ tầng công nghệ điều độ hệ thống, công nghệ AI, phát triển công nghệ về dự trữ năng lượng như thủy điện tích năng, pin tích trữ điện, các công nghệ hydrogen, CCUS...

Vì chuyển dịch năng lượng sẽ tạo ra nhiều ngành công nghiệp mới, nên hầu như chưa có hành lang pháp lý cho những lĩnh vực mới này. Cần nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm các nước, xây dựng lộ trình để ban hành cơ sở pháp lý và chính sách, cơ chế cho những lĩnh vực mới này.

Bên cạnh đó, nhu cầu về công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản lý, áp dụng công nghệ, vận hành trong chuỗi giá trị các lĩnh vực điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, CCUS, hydrogen. Việt Nam cần tranh thủ tài trợ để nhận chuyển giao công nghệ, đào tạo, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển.

## **6. Nguồn tài liệu tham khảo:**

1. Kusuma, N. (2023). What is Just Energy Transition Partnerships? Green Network Asia. <https://greennetwork.asia/news/what-is-just-energy-transition-partnerships/#:~:text=Essentially%2C%20JETP%20is%20a%20financing,while%20addressing%20the%20social%20consequences>
2. Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bản tin. (n.d.). <https://monre.gov.vn/Pages/quan-he-doi-tac-chuyen-doi-nang-luong-cong-bang-hien-thuc-hoa-tam-nhin-xanh-cua-viet-nam.aspx>
3. Vnmission. (2022). Thỏa thuận quốc tế hỗ trợ Việt Nam đạt được các mục tiêu đầy tham vọng về năng lượng và khí hậu. Đại Sứ Quán Và Tổng Lãnh Sự Quán Hoa Kỳ Tại Việt Nam. <https://vn.usembassy.gov/vi/thoa-thuan-quoc-te-ho-tro-viet-nam-dat-duoc-cac-muc-tieu-day-tham-vong-ve-nang-luong-va-khi-hau/>
4. Foreign, C. & D. O. (2022). Political declaration on establishing the Just Energy Transition Partnership with Viet Nam. GOV.UK. <https://www.gov.uk/government/publications/vietnams-just-energy-transition-partnership-political-declaration/political-declaration-on-establishing-the-just-energy-transition-partnership-with-viet-nam>
5. Dự thảo Kế hoạch huy động nguồn lực Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP) của Việt Nam. <https://www.energytransitionpartnership.org/uploads/2023/05/Draft-JETP-Resources-Mobilization-Plan-RMP-outline.pdf>
6. Khía cạnh sản xuất điện <https://www.energytransitionpartnership.org/uploads/2023/05/Policy-brief-on-Review-of-energy-transition-in-developing-and-implementing-the-JETP-RMP-in-Vietnam.pdf>
7. Khía cạnh tài chính. <https://www.energytransitionpartnership.org/uploads/2023/05/Policy-brief-on-Review-of-financing-the-JETP-RMP-in-Vietnam.pdf>